

Số: 534 /BC-UBND

Nghệ An, ngày 19 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính tỉnh Nghệ An 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2026

Sáu tháng đầu năm 2026, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh Nghệ An tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách hành chính (CCHC). Các nhiệm vụ trọng tâm về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, công chức, cải cách tài chính công, xây dựng và phát triển chính quyền số được tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả. CCHC tiếp tục là đòn bẩy tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh Nghệ An báo cáo những kết quả nổi bật trong công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2026 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Năm 2026, tỉnh Nghệ An lấy phương châm chỉ đạo CCHC đó là: ***“hành động quyết liệt, siết chặt kỷ cương, tăng cường kiến tạo - lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ”***. Với tinh thần 6 rõ ***“rõ người - rõ việc - rõ thời gian - rõ trách nhiệm - rõ sản phẩm - rõ thẩm quyền”***, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ CCHC, ban hành Quyết định số 4280/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 về Kế hoạch CCHC tỉnh Nghệ An năm 2026. Theo đó, Kế hoạch đề ra **8** mục tiêu, **45** nhiệm vụ, **6** nhóm giải pháp. Tính đến thời điểm hiện tại, đã có **29/45** nhiệm vụ được hoàn thành, đạt tỷ lệ 64,4%.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 16/4/2026 triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 19/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả công tác CCHC; Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 04/5/2026 triển khai thực hiện Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị theo tinh thần Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư. Trên cơ sở các kế hoạch được ban hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm người

đứng đầu, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn triển khai CCHC, một số văn bản chỉ đạo triển khai nổi bật như: Văn bản triển khai khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC năm 2025¹; tham mưu triển khai thực hiện Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ²; thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030” năm 2026³...

Từ kết quả công bố các chỉ số về CCHC năm 2025 do Trung ương công bố⁴, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành văn bản báo cáo⁵ Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đánh giá cụ thể những tiêu chí/tiêu chí thành phần bị mất điểm các của các chỉ số trên; trên cơ sở đó, chỉ đạo⁶ các cơ quan, đơn vị khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các chỉ số: PAR INDEX; SIPAS năm 2026; UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các chỉ số PAR INDEX, SIPAS⁷. Đồng thời, UBND tỉnh công bố kết quả chỉ số và xếp hạng công tác CCHC của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND xã, phường tỉnh Nghệ An năm 2025⁸.

2. Công tác tuyên truyền

Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC tiếp tục được triển khai sâu rộng. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 16/01/2026 về tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2026. Trên cơ sở đó, các Sở, ngành, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 846/SNV-CCHC&VTLT ngày 02/02/2026 gửi Báo và Phát thanh, Truyền hình Nghệ An, Cổng Thông tin điện tử tỉnh đề nghị phối hợp tuyên truyền và định hướng các nội dung tuyên truyền về CCHC trong năm 2026. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp về mục tiêu, ý nghĩa, kết quả và các nhiệm vụ CCHC của tỉnh.

¹ Công văn số 14542/UBND-KSTT ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh.

² Công văn số 1793/UBND-KSTT ngày 25/02/2026 của UBND tỉnh.

³ Công văn số 1900/UBND-KSTT ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh.

⁴ Năm 2025, Chỉ số PARINDEX xếp thứ 28/34; chỉ số SIPAS xếp thứ 11/34 (các Công văn của Bộ Nội vụ: số 4419/BNV-CCHC ngày 10/5/2026 về việc công bố Chỉ SIPAS, Chỉ số PAR Index năm 2025; số 4475/BNV-CCHC ngày 12/5/2026 về việc gửi Báo cáo chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2025 và Báo cáo Chỉ số CCHC năm 2025).

⁵ Báo cáo số 3411/BC-SNV và Báo cáo số 3412/BC-SNV ngày 14/5/2026 về phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số SIPAS của tỉnh.

⁶ Công văn số 6361/UBND-KSTT ngày 03/6/2026.

⁷ Công văn số 6361/UBND-KSTT ngày 03/6/2026.

⁸ Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An.

Cổng Thông tin điện tử tỉnh và trang thông tin điện tử của các Sở, ngành, địa phương thường xuyên cập nhật, đăng tải các văn bản chỉ đạo, điều hành, tin, bài phản ánh kết quả CCHC, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về CCHC thông qua các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự; kịp thời phản ánh kết quả thực hiện, giới thiệu các mô hình hay, cách làm sáng tạo và các sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong thực tiễn.

Tiếp tục duy trì phát hành Bản tin CCHC tỉnh Nghệ An mỗi tuần mỗi số vào đầu tuần, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng các cơ quan, đơn vị liên quan đã lồng ghép, tăng cường tuyên truyền về CCHC thông qua các bản tin chuyên ngành, hệ thống thông tin cơ sở, các hội nghị tập huấn và hoạt động đối thoại với người dân, doanh nghiệp.

3. Công tác kiểm tra CCHC; kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Trong 06 tháng đầu năm 2026, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại 02 Sở và 8 UBND cấp xã⁹. Sau kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã ban hành thông báo kết quả kiểm tra gửi các cơ quan, đơn vị được kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế; đồng thời phát huy những kết quả đạt được, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và chất lượng phục vụ Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Quyết định số 11724/QĐ-SNV ngày 26/12/2025 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC và văn thư, lưu trữ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo quy định của Bộ Nội vụ; Quyết định số 11867/QĐ-SNV ngày 29/12/2025 thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC và văn thư, lưu trữ năm 2026. Trong 06 tháng đầu năm, Đoàn kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tại 03 Sở, ngành và 07 xã, phường theo kế hoạch đề ra¹⁰.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VỀ CCHC

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Từ ngày 10/12/2025 đến thời điểm báo cáo, HĐND tỉnh đã thông qua 25 nghị quyết quy phạm pháp luật, UBND tỉnh ban hành 56 quyết định quy phạm pháp luật. Các văn bản được xây dựng, ban hành bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý nhà nước.

⁹ Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường: Vĩnh Tường, Môn Sơn, Vĩnh Hưng, Anh Sơn, Châu Khê, Trương Dương, Chiêu Lưu, Bắc Lý

¹⁰ Sở Y tế, Công thương, Tài chính; các xã: Tri Lễ, Quỳnh Châu, Nghĩa Mai, Mường Chộng, Tam Quang, Hữu Kiệm và phường Tây Hiếu

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai công tác pháp chế năm 2026 trên địa bàn tỉnh; tiếp tục chỉ đạo thực hiện Đề án nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2023-2030. Công tác truyền thông chính sách, pháp luật tiếp tục được tăng cường. UBND tỉnh đã phối hợp tổ chức 02 cuộc họp báo nhằm tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật và chính sách mới của tỉnh được ban hành trong Quý IV năm 2025 và Quý I năm 2026.

Công tác thẩm định, góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo quy định. Trong 06 tháng đầu năm 2026, các cơ quan chuyên môn đã tham gia góp ý 240 dự thảo văn bản của Trung ương và địa phương; thực hiện thẩm định 38 dự thảo quyết định của UBND tỉnh và 17 dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh.

1.2. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực thi hành toàn bộ hoặc một phần theo quy định; Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 20/4/2026 về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; thành lập các Tổ công tác triển khai nhiệm vụ tổng rà soát theo Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 để thực hiện rà soát, lập danh mục văn bản thuộc phạm vi quản lý, đề xuất phương án xử lý; Phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Tư pháp tổ chức 02 hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật

Thực hiện kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành tại Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Nội vụ, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và UBND các xã Quỳnh Anh, Đức Châu, Anh Sơn. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức 04 cuộc tọa đàm về đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật tại 130 đơn vị cấp xã, trong đó thông qua việc đánh giá các tiêu chí “Ban hành văn bản QPPL”; “Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật”...

2. Cải cách TTHC

2.1. Cải cách TTHC

UBND tỉnh đã ban hành các Chương trình, Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo về cải cách TTHC¹¹. Từ 01/01/2026 đến ngày 25/5/2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành: 46 Quyết định công bố danh mục TTHC; 82 Quyết định công bố danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ; 17 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, theo đó công bố 1246 TTHC, trong đó ban hành mới 134 TTHC, sửa đổi, bổ sung 1.112 TTHC, bãi bỏ 142 TTHC; phê duyệt 1.013 quy trình nội bộ, quy trình điện

¹¹ Kế hoạch số 344/KH-UBND ngày 05/5/2026 Kế hoạch truyền thông hoạt động kiểm soát TTHC năm 2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Công văn số 4835/UBND-KSTT ngày 06/5/2026 về việc triển khai các Nghị quyết về cắt giảm, đơn giản hoá TTHC và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh;

từ giải quyết TTHC. Tính đến 29/5/2026, theo số liệu ghi nhận trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã công bố, công khai 2.180 TTHC (trong đó: cung cấp 1.752 TTHC cấp tỉnh; cấp xã 428 TTHC). 100% TTHC của tỉnh đã được rà soát, tái cấu trúc và 100% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Tính đến 25/5/2026 đã ban hành 19 Quyết định công bố, trong đó: 18 Quyết định công bố Danh mục TTHC nội bộ với 107 TTHC nội bộ (cấp tỉnh: 99 thủ tục, cấp xã: 7 thủ tục), 01 Quyết định công bố TTHC nội bộ với 08 TTHC nội bộ; 02 Quyết định phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ với 05 TTHC nội bộ (05 TTHC cấp tỉnh). Đảm bảo đạt tỷ lệ 100% TTHC nội bộ được công bố, được công khai đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và tại 131 Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã theo đúng quy định; việc tổ chức thực hiện TTHC nội bộ thông suốt, liên mạch, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.2. Về rà soát, đơn giản hoá TTHC

6 tháng đầu năm 2026, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành rà soát, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh các Phương án cắt giảm, đơn giản hoá TTHC và đã đạt một số kết quả như: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trình Quyết định Phương án đơn giản hoá TTHC trong lĩnh vực Báo chí, Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, với tỷ lệ cắt giảm thời gian 20%, tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ 24,59%.

Thực hiện Công văn số 464/TTg-CĐS ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh, 08 Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh¹², Công văn số 3803/VPCP-KTTH ngày 29/4/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc nghiên cứu báo cáo của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 4835/UBND-KSTT ngày 06/5/2026 về việc triển khai các Nghị quyết về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá TTHC và cắt

¹² 08 Nghị quyết ngày 29/4/2026 của Chính phủ gồm:

- (1) Số 17/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- (2) Số 18/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- (3) Số 19/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;
- (4) Số 20/2026/NQ-CP về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- (5) Số 21/2026/NQ-CP về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, TTHC và phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC trong lĩnh vực y tế;
- (6) Số 22/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;
- (7) Số 23/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- (8) Số 24/2026/NQ-CP về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh thuộc các lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh. Tham ưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện 03 Nghị quyết của Chính phủ theo cơ chế của Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội trên địa bàn tỉnh¹³.

Đối với cắt giảm dựa trên dữ liệu: Thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường thống kê, rà soát số liệu TTHC thuộc phạm vi quản lý. Qua rà soát, thống kê, tỉnh Nghệ An có 08 TTHC đặc thù do địa phương ban hành hoặc được giao quy định chi tiết hoặc để thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền. Đối chiếu với Danh sách các Cơ sở dữ liệu ngành đã được công bố thông tin tại Phụ lục II của Công văn số 3938/BTP-KSTT ngày 05/6/2026 của Bộ Tư pháp, hiện có 01 TTHC cấp xã có thành phần hồ sơ được tái sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đào tạo thay vì yêu cầu người dân, doanh nghiệp xuất trình, nộp thành phần hồ sơ¹⁴.

2.3. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 29/5/2026, đã nhận 1.686 phản ánh, kiến nghị. Trong đó, từ chối 80 phản ánh, kiến nghị do không thuộc nội dung tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết 1.346 phản ánh, kiến nghị; tiếp nhận, xử lý 260 phản ánh, kiến nghị thuộc phạm vi giải quyết (trong đó, đã xử lý 258 phản ánh, kiến nghị, đang xử lý 2 phản ánh, kiến nghị). 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý, trả lời cho người phản ánh biết, thực hiện, theo dõi, giám sát việc thực hiện.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Đã tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tính từ ngày 01/7/2025 đến nay, toàn tỉnh đã giảm 05 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (từ 217 đơn vị xuống còn 212 đơn vị); ngành Giáo dục giảm 16 đơn vị sự nghiệp công lập; ngành Y tế giảm 01 trung tâm y tế cấp huyện; lĩnh vực nông nghiệp giảm 04 đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện chuyển giao trên 1.347 cơ sở giáo dục công lập về UBND cấp xã quản lý; chuyển giao 22 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, 20 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông, 20 Ban Quản lý dự án cấp huyện cùng nhiều đơn vị sự nghiệp khác theo mô hình tổ chức mới. Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành quyết định giải thể 12 Ban Quản lý

13 (1) Số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/05/2026 về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; (2) Số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính điều kiện kinh doanh; (3) số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 về cắt giảm phân quyền đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

14 Báo cáo số 485/BC-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh.

dự án khu vực; thành lập 46 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và 130 Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cấp xã.

Bên cạnh đó, thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp tổ chức các đơn vị thôn, tổ dân phố, UBND tỉnh đã ban hành Phương án số 488/PA-UBND về phương án tổng thể sắp xếp khối, xóm trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026. Theo phương án, toàn tỉnh thực hiện sắp xếp 3.797 khối, xóm hiện có (gồm 546 khối và 3.251 xóm) thành 2.026 khối, xóm mới (gồm 266 khối và 1.760 xóm) thuộc 130 xã, phường. Sau khi hoàn thành việc sắp xếp, toàn tỉnh còn 2.026 khối, xóm, giảm 1.771 khối, xóm so với trước khi sắp xếp, tương ứng giảm 46,64%.

Hiện nay có 13/14 Sở, ngành cấp tỉnh đã hoàn thành việc phê duyệt đề án vị trí việc làm¹⁵. Đồng thời, Sở Nội vụ đã hoàn thành thẩm định danh mục vị trí việc làm của 130 xã, phường, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ.

UBND tỉnh tiếp tục rà soát các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, đề xuất phân cấp mạnh hơn cho cấp cơ sở gắn với nâng cao năng lực thực thi và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Các nhiệm vụ được phân cấp cơ bản được triển khai hiệu quả, nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ.

4. Cải cách chế độ công vụ

Trong 06 tháng đầu năm 2026, cấp tỉnh đã thực hiện tiếp nhận 06 viên chức vào làm công chức; cấp xã tiếp nhận 45 viên chức từ các đơn vị sự nghiệp công lập vào làm công chức cấp xã và 122 người hoạt động không chuyên trách vào làm công chức cấp xã theo quy định. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện điều động, biệt phái tổng cộng 64 lượt cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có 09¹⁶ trường hợp thuộc cấp tỉnh và 55¹⁷ trường hợp thuộc các địa phương có số lượng cán bộ, công chức dồi dào đến công tác tại các xã còn thiếu cán bộ, công chức nhằm bảo đảm yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được quan tâm triển khai. Thực hiện Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 11/3/2026 của Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nghệ An năm 2026, toàn tỉnh dự kiến tổ chức 111 lớp đào tạo, bồi dưỡng với 43.365 học viên tham gia. Hiện

¹⁵ Sở Tư pháp chưa phê duyệt vị trí việc làm, lý do hiện tại biên chế Sở Tư pháp 37 người; trong đó gồm: Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 34 biên chế công chức. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thì Sở Tư pháp chỉ đủ biên chế để thành lập 04 phòng chuyên môn và tương đương (thiếu 01 biên chế để đủ điều kiện giữ nguyên 05 phòng như hiện tại (Văn phòng; Phòng Văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính; Phòng Phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật; Phòng Hỗ trợ tư pháp; Phòng Hành chính tư pháp).

¹⁶ 05 trường hợp điều động, 04 trường hợp biệt phái

¹⁷ 45 trường hợp điều động, 10 trường hợp biệt phái

nay, Sở Tài chính đang tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định giao chỉ tiêu và cấp kinh phí để triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Trong 06 tháng đầu năm, có 18 cán bộ, công chức nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội; 20 cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưởng chế độ theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; 1.158 người hoạt động không chuyên trách nghỉ việc theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. UBND tỉnh đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nghỉ hưu trước tuổi theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

Công tác thu ngân sách nhà nước được tập trung chỉ đạo thực hiện; tính đến ngày 04/6/2026, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 15.637 tỷ đồng, bằng 67% dự toán HĐND tỉnh giao.

Công tác giải ngân vốn đầu tư công được UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư và đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Tính đến ngày 31/5/2026, tổng giá trị giải ngân đạt 3.720,103 tỷ đồng, bằng 21,86% kế hoạch; trong đó, kế hoạch vốn năm 2026 giải ngân đạt 2.815,612 tỷ đồng, bằng 20,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, kế hoạch vốn các năm trước kéo dài giải ngân đạt 868,491 tỷ đồng, bằng 30,54%.

Công tác quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện đúng quy định. Tỉnh đã hoàn thành 100% việc đăng ký đối tượng kiểm kê tài sản công và đang thực hiện cập nhật, chuẩn hóa, phê duyệt dữ liệu để tổng hợp báo cáo kết quả tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư, không sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả. Đến thời điểm báo cáo, đã hoàn thành xử lý 100% cơ sở nhà, đất dôi dư theo kế hoạch và yêu cầu sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; 55 cơ sở đã hoàn thành việc xử lý hoặc đưa vào khai thác, sử dụng sau khi thu hồi, chuyển giao. Bên cạnh đó, đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 4.342/4.357 cơ sở nhà, đất, đạt tỷ lệ 99,65%.

Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tiếp tục được triển khai theo quy định. Đến nay, toàn tỉnh có 443 cơ quan hành chính nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, gồm 53 cơ quan cấp tỉnh và 390 cơ quan cấp xã. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, có 1.418/1.598 đơn vị được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ,

trong đó có 04 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, 33 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, 373 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 1.008 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Hạ tầng số tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; trên 250 km cáp viễn thông được chỉnh trang, bố gọn; 170 trạm 5G được triển khai mới hoặc nâng cấp, từng bước mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến toàn tỉnh đạt 92,2%, riêng cấp xã đạt 99,24%. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt khoảng 89%; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu số hóa đạt 87,59%, góp phần giảm thời gian, chi phí thực hiện TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

Các nền tảng số dùng chung của tỉnh tiếp tục được duy trì vận hành ổn định, bảo đảm kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin quốc gia. Đến nay, 100% cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ đã được cấp chứng thư số chuyên dùng công vụ; 100% quy trình điện tử của TTHC được thiết lập trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Đã tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về chuyển đổi số, kỹ năng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho cán bộ, công chức, viên chức; 100% cán bộ phụ trách chuyển đổi số cấp xã được tập huấn chuyên môn; tổ chức tập huấn sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung cho 400 cán bộ cấp xã và đào tạo chuyên sâu cho 130 cán bộ công nghệ thông tin cấp xã. Đồng thời, thường xuyên cập nhật, hoàn thiện Sổ tay chuyển đổi số cấp xã nhằm hỗ trợ đội ngũ cán bộ cơ sở trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

100% hệ thống thông tin của tỉnh đã được phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; Trung tâm Giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC) được nâng cấp, kết nối giám sát trên 6.000 thiết bị đầu cuối. Bên cạnh đó, toàn tỉnh duy trì hoạt động hiệu quả của 3.718 Tổ công nghệ số cộng đồng với 18.523 thành viên, 1.758 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và 2.063 thành viên Tổ ứng cứu công nghệ hỗ trợ giải quyết TTHC, góp phần hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Thứ nhất, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành CCHC tiếp tục được tăng cường. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết liệt hơn trong chỉ đạo công tác CCHC, những những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện được giải quyết cơ bản kịp thời.

Thứ hai, cải cách thể chế tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Chất lượng công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được nâng lên; việc thẩm định, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản được thực hiện thường xuyên, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và khả thi của hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, cải cách TTHC tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác kiểm soát TTHC được thực hiện nghiêm túc; việc công bố, công khai, cập nhật TTHC được thực hiện kịp thời. Chất lượng giải quyết TTHC từng bước được nâng lên; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn tiếp tục duy trì ở mức cao; việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến ngày càng được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ tư, việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tiếp tục được thực hiện theo đúng chủ trương của Trung ương và của tỉnh. Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính từng bước được hoàn thiện theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức cơ bản phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ.

Thứ năm, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được quan tâm. Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đầy đủ, kịp thời; công tác đào tạo, bồi dưỡng được tăng cường; ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhiều chuyển biến tích cực.

Thứ sáu, công tác quản lý tài chính công, tài sản công được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; cơ chế tự chủ tài chính tiếp tục được duy trì hiệu quả. Công tác giải ngân vốn đầu tư công được tập trung chỉ đạo, việc sắp xếp, xử lý tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính được triển khai kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước.

Thứ bảy, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số đạt được những kết quả rõ nét. Hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được hoàn thiện; các hệ thống thông tin dùng chung được khai thác hiệu quả; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến tiếp tục tăng; việc triển khai Đề án 06 và các nhiệm vụ chuyển đổi số được thực hiện đồng bộ.

2. Tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện CCHC tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương một số nhiệm vụ còn chậm¹⁸ so với thời gian yêu cầu của UBND tỉnh. Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2025 của tỉnh xếp

¹⁸(i) Chậm ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026-2030 của cơ quan, đơn vị: Các Sở, ngành: BQL Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An; UBND các xã, phường: Thiên Nhẫn, Nghĩa Lộc; Thành Vinh, Mường Quàng; Tân Châu, Trung Lộc; Phúc Lộc, Văn Du, Na Loi; Lam Thành; Lượng Minh.

(ii) Chậm ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TV ngày 19/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: UBND các xã Tam Đồng, Tam Quang, Yên Na, Tương Dương, Hùng Chân.

(iii) Chậm ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ: UBND các xã Nghi Lộc, Quảng Châu, Anh Sơn Đông, Na Ngoi, Quỳnh Châu, Thành Bình Thọ, Nghĩa Thọ.

thứ 28/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trong đó, một số lĩnh vực, tiêu chí thành phần có thứ hạng còn thấp¹⁹, ảnh hưởng đến kết quả xếp hạng chung của tỉnh.

Thứ hai, chất lượng giải quyết TTHC chưa đồng đều; một số cơ quan, đơn vị vẫn còn tình trạng hồ sơ giải quyết quá hạn²⁰.

Thứ ba, việc xây dựng và hoàn thiện đề án vị trí việc làm khối Sở, ngành mới chỉ có 13/14 đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt; tình trạng thiếu cán bộ, công chức tại một số địa phương, nhất là địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa²¹.

Thứ tư, công tác giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, tỷ lệ giải ngân của một số đơn vị, địa phương đạt thấp so với kế hoạch (có 46 cơ quan, đơn vị đã giải ngân nhưng tỷ lệ giải ngân còn thấp dưới 21,27%²² và 15 cơ quan, đơn vị chưa giải ngân)²³.

Thứ năm, hạ tầng phục vụ chuyển đổi số tại một số địa phương chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Một số trang thiết bị công nghệ thông tin đã xuống cấp, chất lượng đường truyền ở khu vực miền núi còn chưa ổn định; việc khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu quốc gia và kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai chính quyền số.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

¹⁹ Kết quả khảo sát đánh giá công tác CCHC năm 2025 cho tỉnh, thông qua khảo sát lãnh đạo quản lý và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, xếp thứ 32/34; Cải cách thể chế. Xếp thứ 29/34; Cải cách chế độ công vụ, xếp thứ 33/34; Lĩnh vực Chuyển đổi số, xếp thứ 33/34 tỉnh, thành phố.

²⁰ Hồ sơ quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An: Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Môi trường: 735, Sở Y tế: 16, Sở Tài chính: 04 ...; Cấp xã: 4783; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Bộ, Ngành: 4737.

²¹ Các xã thiếu nhiều biên chế: Tam Hợp 20, Mỹ Lý: 19, Huồi Tụ: 19, Mường Lống: 19, Bình Chuẩn: 18, Na Loi: 17, Nghĩa Lộc: 17, Lượng Minh: 17, Bắc Lý: 16, Yên Na: 13, Quỳnh Tam: 13, Hùng Châu: 13, Tiên Đồng: 12, Quỳnh Văn 12, Tân Phú: 10...

²² 08 Sở, ngành, chủ đầu tư: Sở Tài chính (12,84%), Trường Cao đẳng Việt Đức (7,49%), Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (6,50%), Ban quản lý KKT Đông Nam (6,14%), Ban QLDA công trình giao thông Nghệ An (4,73%), Ban QLDA Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An (4,46%), Sở Y tế (3,12%), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (0,8%).

38 UBND xã, phường gồm: Tân Phú (20,78%), Châu Tiến (20,71%), Tam Hợp (20,14%), Vĩnh Tường (19,60%), Yên Trung (18,01%), Hữu Kiệm (17,41%), Mường Lống (16,52%), Con Cuông (16,51%), Nam Đàn (15,43%), Thái Hòa (15,29%), Cam Phục (13,48%), Môn Sơn (13,33%), Thuận Trung (12,54%), Tương Dương (12,47%), Anh Sơn (12,32%), Bình Chuẩn (12,22%), Bích Hào (12,05%), Nghĩa Đàn (11,58%), Mường Xén (10,44%), Hoa Quân (10,14%), Hữu Khuông (10,12%), Chiêu Lưu (10,11%), Bắc Lý (10,02%), Quỳnh Châu (9,38%), Vạn An (9,14%), Tiên Phong (8,56%), Quang Đông (6,46%), Quỳnh Mai (6,24%), Nga My (5,98%), Tây Hiếu (5,64%), Nghĩa Lâm (5,03%), Châu Khê (4,32%), Mậu Thạch (3,75%), Châu Bình (2,61%), Kim Bảng (1,44%), Nậm Cắn (1,32%), Tri Lễ (0,41%), Mường Quàng (0,32%).

²³ 07 Sở, ngành, chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Chính trị tỉnh Nghệ An, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An, Sở Khoa học và Công nghệ, Trường PTTH Dân tộc nội trú tỉnh Nghệ An, Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Nghệ An;

08 UBND xã: Anh Sơn Đông, Châu Hồng, Châu Lộc, Mường Chộng, Lượng Minh, Yên Na, Tam Thái, Tam Quang

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương trên một số lĩnh vực tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; một số nội dung còn thiếu tính đồng bộ hoặc có sự thay đổi trong quá trình triển khai thực hiện, gây khó khăn cho địa phương trong tổ chức thực hiện;

- Khối lượng công việc phát sinh lớn trong khi quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn chính quyền địa phương hai cấp vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện; một số cơ quan, đơn vị còn thiếu cán bộ, công chức để thực hiện nhiệm vụ;

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành và Cổng Dịch vụ công quốc gia (sau khi chuyển đổi từ thuộc Văn phòng Chính phủ quản lý sang thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an quản lý) mới được xây dựng và đưa vào hoạt động, do đó bước đầu vẫn còn một số lỗi kỹ thuật, một số tính năng, chức năng chưa được hoàn thiện dẫn tới việc quản trị, sử dụng còn gặp một số khó khăn;

- Đồng thời, nhận thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân còn hạn chế; thói quen thực hiện TTHC theo phương thức truyền thống vẫn còn phổ biến;

- Hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng viễn thông tại một số địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu triển khai chuyển đổi số; nguồn lực đầu tư cho công tác CCHC và chuyển đổi số tại một số địa phương còn khó khăn;

- Một số khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư và tổ chức thực hiện dự án đã ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự dành nhiều thời gian cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo CCHC; việc kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ có thời điểm chưa thường xuyên;

- Một bộ phận cán bộ, công chức chưa chủ động nghiên cứu, cập nhật các quy định mới; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn hạn chế;

- Công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc liên ngành có thời điểm chưa chặt chẽ; việc chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các hệ thống thông tin chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Chỉ đạo hoàn thành 100% nhiệm vụ đã đề ra theo các Kế hoạch: Quyết định số 4280/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2026; Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 16/4/2026 triển khai thực

hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 19/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 04/5/2026 triển khai thực hiện Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm tiến độ, chất lượng đề ra;

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ CCHC; kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; rà soát, khắc phục những tồn tại, hạn chế sau kiểm tra, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức tổng kết, đánh giá công tác CCHC và hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, CCHC và Đề án 06 ở các đơn vị, địa phương năm 2026;

- Thực hiện kịp thời việc đánh giá, xếp hạng CCHC năm 2026 đối với các Sở, ngành, địa phương trên hệ thống phần mềm chấm điểm của tỉnh;

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; đồng thời, chấn chỉnh và nâng cao trách nhiệm của các tập thể, cá nhân chưa thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ tại Công văn số 5539/BNV-CCHC ngày 03/6/2026 về việc sử dụng kết quả Chỉ số SIPAS 2025, Chỉ số PAR INDEX 2025.

2. Cải cách thể chế

- Nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng, ban hành văn bản QPPL đảm bảo chất lượng, đúng quy định của pháp luật, phù hợp thực tiễn, đúng thời gian theo Kế hoạch của UBND tỉnh;

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản QPPL để đảm bảo sự phù hợp với các quy định của pháp luật phục vụ cho công tác quản lý nhà nước. Xử lý kịp thời các văn bản QPPL ban hành trái thẩm quyền, trái với quy định của pháp luật và sai sót thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật;

- Tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật liên quan đến cơ chế chính sách phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội, thu hút đầu tư, an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Cải cách TTHC

- Công bố danh mục TTHC; phê duyệt quy trình điện tử, quy trình nội bộ trong việc giải quyết TTHC kịp thời để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện;

- Chỉ đạo rà soát, đánh giá TTHC, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ các TTHC không cần thiết, không hợp pháp và không hợp lý; cắt giảm đơn giản hóa thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết TTHC;

- Cập nhật kịp thời TTHC lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc công khai danh mục, nội dung TTHC trên cổng, trang thông tin điện tử của Sở, ngành, địa phương, tại nơi giao dịch và các hình thức khác theo quy định;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Đề án 06.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Rà soát, ban hành kịp thời quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương. Hoàn thành 100% phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về phân công, phân cấp theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; đẩy mạnh công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau phân công, phân cấp, phân quyền;

- Thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện các quy định về chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức, kể cả cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý; thực hiện cơ cấu công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm từng cơ quan, đơn vị;

- Chỉ đạo tổ chức triển khai bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đã được phê duyệt theo quy định của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

- Hoàn thành 100% nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định của UBND tỉnh;

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị ở các cấp. Kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đạo đức công vụ.

6. Cải cách tài chính công

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học công nghệ công lập theo các quy định của Chính phủ. Mở rộng đối tượng và thực hiện có hiệu quả

cơ chế tự chủ trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập ở các cấp;

- Đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công;
- Thực hiện có hiệu quả công tác sắp xếp tài sản công trên địa bàn tỉnh.

7. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

- Lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả việc chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh hành theo kế hoạch đã ban hành. Hoàn thành kho dữ liệu số của tỉnh;

- Tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, mở rộng thanh toán điện tử, ký số; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và mức độ hài lòng của người dân. Tiếp tục triển khai kiến trúc chính quyền điện tử, ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ, nhiệm vụ đảm bảo tính đồng bộ ở các ngành, các địa phương.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác CCHC; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của công tác CCHC.

3. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các tồn tại, hạn chế.

4. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC; lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

5. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, sáng tạo; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

6. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ công tác CCHC; ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số và các nền tảng phục vụ chuyển đổi số. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước; phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

7. Tăng cường công tác phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và địa phương; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với công tác CCHC.

Trên đây là Báo cáo công tác cải cách hành chính tỉnh Nghệ An 6 tháng đầu năm 2026, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2026, UBND tỉnh Nghệ An báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- BTV Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- CVP, Các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KSTT (Kh). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 534/BC-UBND ngày 19/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 06 tháng đầu năm 2026	
			Số liệu	Ghi chú
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	17	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	64,4	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	29	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	45	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	9	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	107	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	107	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 06 tháng đầu năm 2026	
			Số liệu	Ghi chú
1	Tổng số VBQPPL đã ban hành	Văn bản		
-	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	56	
	Số VBQPPL cấp xã ban hành	Văn bản	56	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	8	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	-	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	-	Đang thực hiện
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	-	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	-	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	-	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 06 tháng đầu năm 2026	
			Số liệu	Ghi chú
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	14	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	-	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	-	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương		1752	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1792	Bao gồm 40 TTHC của Công ty điện lực BHHH
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	428	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
4.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	Thủ tục	2180	
4.2.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	2180	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,2	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	230.547	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	226.400	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,1	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	325.528	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	319.275	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận	PAKN	1686	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	1686	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 06 tháng đầu năm 2026	
			Số liệu	Ghi chú
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	93,33	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp cơ sở đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	21	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1714	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	29	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	212	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	1473	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	6954	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	6461	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	20	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	43501	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	42417	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	-	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 06 tháng đầu năm 2026	
			Số liệu	Ghi chú
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	60	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1773	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển)	Người	122	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	791	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật cấp (cả về Đảng và chính quyền).		2	
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	2	CT UBND xã Bích Hào và PCT UBND xã Sơn Lâm
4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 06 tháng đầu năm 2026	
			Số liệu	Ghi chú
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	17	
1.1.	Kế hoạch được giao	Tỷ đồng	14.174.888	
1.2.	Đã thực hiện	Tỷ đồng	2.466.612	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.2	Tổng số ĐVSNCL tại địa phương	Đơn vị	1714	
2.3	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	5	
2.4	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	40	
2.5	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	476	
-	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	10	
-	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	20	
-	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	446	
2.6	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1135	
2.7	Số lượng ĐVSN chưa phân loại mức độ tự chủ	Đơn vị	444	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 06 tháng đầu năm 2026	
			Số liệu	Ghi chú
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
2.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
2.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
2.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).			
2.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
2.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	98	
2.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
2.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
2.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	-	Từ ngày 29/5/2026 thực hiện cắt chuyển đóng Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Văn phòng Chính
6.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	-	

6.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	-	phủ và thực hiện Cổng DVC quốc gia mới tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia chưa có chức năng thống kê báo cáo dẫn tới chưa trích xuất được số liệu từ thời điểm 01/01/2026 đến nay. Văn phòng UBND tỉnh hiện tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành để nghiên cứu cách thức trích xuất số liệu theo yêu cầu và sẽ bổ sung ngay sau khi trích xuất được dữ liệu
6.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	68,4	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	408	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	279	
6.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	87,6	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	75.075	
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	65.781	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%		
6.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	-	
6.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	-	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp triển khai thanh toán trực tuyến	%	-	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí)	Thủ tục	-	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên cổng DVC quốc gia	Thủ tục	-	